

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index hôm nay giằng co quanh ngưỡng 1,230 trước khi đóng cửa tại mốc 1,228.1 điểm, đi ngang so với hôm qua. Số mã giảm nhiều hơn số mã tăng, tuy nhiên 12/18 ngành tăng điểm cho thấy dòng tiền có sự phân hóa. Ngành Du lịch và giải trí, Ô tô và phụ tùng tăng mạnh nhất. Ở chiều ngược lại, Truyền thông và Bất động sản dẫn đầu đà giảm. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng nhẹ trên cả hai sàn HSX và HNX. Đà hồi phục đã chứng lại trong ngày hôm nay. Trong những phiên tới, VN-Index có thể trải qua những phiên đi ngang quanh ngưỡng kháng cự cũ 1,230 khi dòng tiền luân chuyển qua các nhóm ngành để tìm kiếm lợi nhuận ngắn hạn.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LẠI

Các hợp đồng tương lai vận động ngược chiều với đà giảm của VN30

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 22/11/2024, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-0.23** điểm, đóng cửa tại **1228.1** điểm. HNX-Index **-0.47** điểm, đóng cửa tại **221.29** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **GAS (+0.58)**, **TCB (+0.52)**, **HVN (+0.50)**, **BID (+0.49)**, **HPG (+0.39)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-1.72)**, **GVR (-0.29)**, **VPB (-0.29)**, **STB (-0.18)**, **NVL (-0.12)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **10,501** tỷ đồng, giảm **-0.25%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 12,736 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 7.09 điểm. Thị trường có **151** mã tăng, 89 mã tham chiếu, **213** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **29.35** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HDG (240.63 tỷ)**, **TCB (105.69 tỷ)**, **FPT (60.12 tỷ)**, **CTG (51.69 tỷ)**, **MWG (43.15 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **6.45** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+1.36%**. Các mã diễn biến tích cực: **MWG (+3.35%)**, **CTG (+2.94%)**, **VPB (+2.67%)**.
- BSC50 **+1.12%**. Các mã diễn biến tích cực: **VTP (+6.98%)**, **GEX (+3.72%)**, **QNS (+3.24%)**.

Hiệu suất các chỉ số (Cập nhật đến ngày 22/11)

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	1.36%	1.12%	0.97%	1.17%
1 tuần	-0.72%	-0.85%	-0.17%	0.04%
1 tháng	-3.70%	-2.83%	-2.71%	-3.50%
3 tháng	-1.86%	-0.94%	-2.26%	-0.70%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,228.10	221.29	91.70
% 1D	-0.02%	-0.21%	0.22%
GTGD (tỷ VND)	10,501	690	505
%1D	-0.25%	56.62%	6.90%
GDNN (tỷ VND)	29.35	6.45	-7.63

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HDG	240.63	SSI	-105.84
TCB	105.69	VCB	-82.26
FPT	60.12	HPG	-57.69
CTG	51.69	VPB	-46.78
MWG	43.15	STB	-39.33

Thị trường thế giới

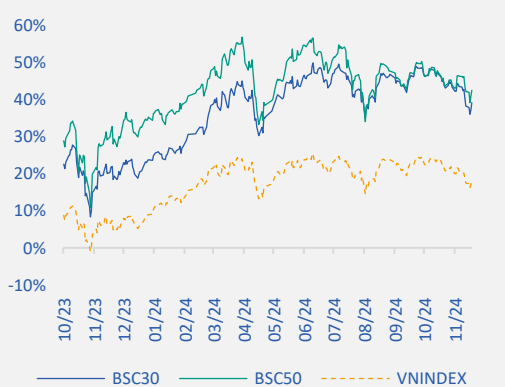
		%D	%W
SPX	5,949	0.53%	-0.01%
FTSE100	8,205	0.68%	1.75%
Eurostoxx	4,742	0.19%	-1.34%
Shanghai	3,267	-3.06%	-1.91%
Nikkei	38,321	0.84%	-0.82%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	74.59	0.32%
Giá vàng	2,669	
Tỷ giá		
USD/VND	25,509	0.02%
EUR/VND	27,376	-0.64%
JPY/VND	168	0.60%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	2.8%	0.00%
LS LNH 1M	5.0%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



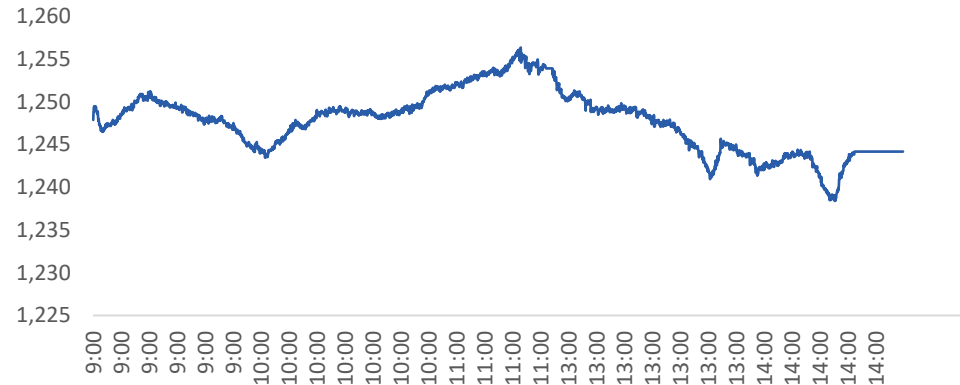
Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LẠI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2501	1301.20		568		1/16/2025	55
VN30F2412	1298.00	0.39%	236,501	304.45%	12/19/2024	27
VN30F2503	1303.40	0.48%	33	-85.07%	3/20/2025	118
VN30F2506	1302.80	0.52%	41	192.86%	6/19/2025	209

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 -0.60 điểm, đóng cửa tại 1286.07 điểm. Biên độ dao động 8.20 điểm. Các cổ phiếu như VHM, STB, VPB, SSI, HDB tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- Diễn biến "bi quan" của phiên giao dịch trước khiến thị trường phiên sáng mở đầu khá tiêu cực. Tuy nhiên từ cuối phiên sáng, dòng tiền chờ đợi bắt đáy xuất hiện kéo chỉ số VN30 đóng cửa trong sắc xanh. Thanh khoản cải thiện khi nằm trên ngưỡng MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các hợp đồng tương lai vận động ngược chiều với đà giảm của VN30.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết *	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CHPG2406	10/28/2025	340	107,400	-72.41%	2.80	1,100	10.0%	5.86	7.20	26.10	26.10
CHPG2408	7/28/2025	248	406,900	-74.79%	2.70	970	7.8%	5.87	6.58	26.10	26.10
CHPG2407	4/28/2025	157	103,600	-77.16%	2.60	840	7.7%	5.89	5.96	26.10	26.10
CVNM2401	5/21/2025	180	386,500	-76.60%	6.38	1,120	5.7%	7.51	15.05	64.30	64.30
CACB2404	7/28/2025	248	855,500	-75.39%	2.50	910	4.6%	5.63	6.14	24.95	24.95
CHPG2402	5/21/2025	180	1,737,900	-74.16%	2.82	1,440	2.9%	8.56	6.74	26.10	26.10
CFPT2402	7/28/2025	248	23,600	-75.73%	13.50	4,750	2.8%	30.21	32.50	133.90	133.90
CVIB2405	4/28/2025	157	17,500	-77.80%	1.80	1,120	1.8%	8.22	4.04	18.20	18.20
CFPT2314	1/9/2025	48	2,385,300	-57.44%	8.64	5,600	1.4%	14.51	56.99	133.90	133.90
CMWG2314	1/9/2025	48	1,757,300	-76.46%	5.16	880	1.1%	5.43	13.89	59.00	59.00
CMWG2406	7/28/2025	248	209,800	-76.27%	6.60	1,850	1.1%	13.15	14.00	59.00	59.00
CVIC2405	7/28/2025	248	14,700	-76.71%	4.30	1,280	0.0%	9.07	9.42	40.45	40.45
CVPB2407	7/28/2025	248	48,600	-76.59%	2.10	590	0.0%	4.25	4.46	19.05	19.05
CVIB2406	7/28/2025	248	291,600	-76.59%	1.90	590	0.0%	4.09	4.26	18.20	18.20
CMBB2315	1/9/2025	48	16,800	-68.85%	1.96	1,410	0.0%	5.64	7.48	24.00	24.00
CVRE2406	7/28/2025	248	95,700	-75.36%	1.90	640	-1.5%	4.07	4.46	18.10	18.10
CSTB2402	5/21/2025	180	229,700	-73.45%	3.00	1,890	-1.6%	9.91	8.67	32.65	32.65
CMSN2404	7/28/2025	248	12,900	-76.59%	7.90	2,180	-1.8%	15.84	16.62	71.00	71.00
CMBB2402	5/21/2025	180	220,900	-77.09%	2.35	1,610	-1.8%	11.09	5.50	24.00	24.00
CVHM2402	3/6/2025	104	58,700	-75.60%	4.15	1,500	-6.3%	9.38	10.15	41.60	41.60

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

• Trong phiên giao dịch ngày 22/11/2024, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

• CHPG2333 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 12.50%. CFPT2314 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 46.61%.

• CFPT2314, CMBB2315, CHPG2406, CSTB2402, và CHPG2402 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

CFPT2402, CFPT2403, CMSN2404, CMSN2405, và CVNM2315 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GAS	69.20	1.47%	0.58	2.34
TCB	23.50	1.29%	0.52	7.05
HVN	27.45	3.39%	0.50	2.21
BID	45.70	0.77%	0.49	5.70
HPG	26.10	0.97%	0.39	6.40

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIF	17.50	2.34%	0.10	0.35
TIG	13.40	5.51%	0.10	0.19
NTP	58.30	0.87%	0.05	0.13
MVB	19.30	3.21%	0.05	0.11
VFS	15.20	3.40%	0.04	0.12

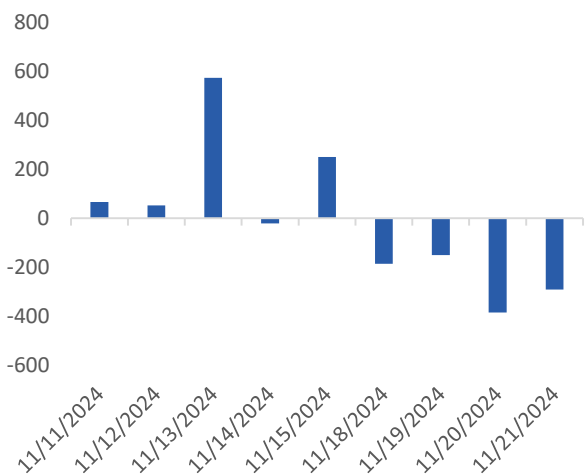
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MSH	47.50	6.98%	0.06	0.50
HHV	10.75	6.97%	0.08	9.46
BMC	21.60	6.93%	0.00	0.44
VRC	8.81	6.92%	0.01	0.15
STG	43.95	6.80%	0.07	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BPC	14.40	9.92%	0.01	0.03
DTC	8.90	9.88%	0.01	0.00
HTC	5.60	9.80%	0.02	0.06
PIA	23.90	9.63%	0.14	0.00
PCT	34.00	8.97%	0.05	0.00

Hình 1
Giao dịch tự doanh



Nguồn: FiinProX, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VHM	41.60	-3.93%	-1.72	4.35
GVR	30.90	-0.96%	-0.29	4.00
VPB	19.05	-0.78%	-0.29	7.93
STB	32.65	-1.21%	-0.18	1.89
NVL	11.00	-2.22%	-0.12	1.95

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DTK	12.00	-3.23%	-0.19	0.68
KSV	49.80	-2.16%	-0.15	0.20
SHS	13.00	-1.52%	-0.11	0.81
CEO	14.20	-2.07%	-0.11	0.54
PVS	33.30	-0.89%	-0.10	0.48

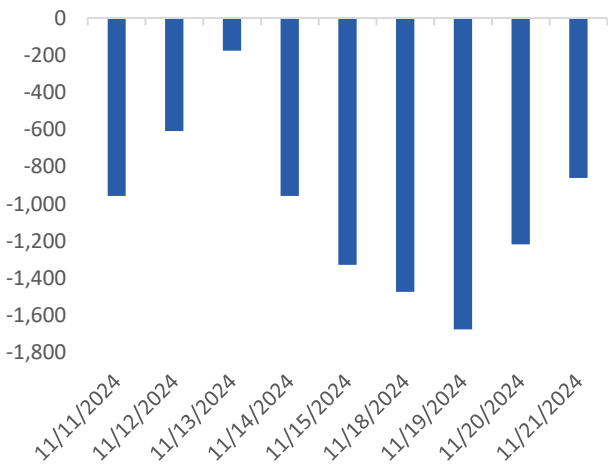
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HVN	10.00	-6.98%	-0.01	1.92
HAG	10.75	-6.93%	-0.19	35.41
HHS	8.61	-6.92%	-0.05	3.41
NHA	23.55	-6.92%	-0.02	1.42
DXV	4.59	-6.90%	0.00	0.01

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DAE	12.80	-9.86%	-0.01	0.00
HMR	21.10	-9.83%	-0.04	0.20
CMS	18.40	-9.80%	-0.17	0.61
TXM	6.50	-9.72%	-0.02	0.04
MCO	12.20	-9.63%	-0.02	0.05

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo báo
VCB	Ngân hàng	90.6	0.10%	0.7	19,924	6.2	6,194	14.6	-	23.3%	Link
BID	Ngân hàng	45.7	0.80%	1.4	10,250	3.4	4,106	11.1	-	17.2%	Link
VPB	Ngân hàng	19.0	-0.80%	1.0	5,947	13.5	1,663	11.5	-	26.1%	Link
TCB	Ngân hàng	23.5	1.30%	1.3	6,514	13.3	3,207	7.3	-	20.9%	Link
MBB	Ngân hàng	24.0	0.00%	1.2	5,011	6.9	4,021	6.0	26,600	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	32.6	-1.20%	1.4	2,422	7.2	4,640	7.0	-	22.9%	Link
CTG	Ngân hàng	35.0	0.00%	1.5	7,395	8.5	4,035	8.7	-	26.3%	Link
ACB	Ngân hàng	25.0	0.40%	0.8	4,385	5.6	3,638	6.9	-	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	24.4	-1.00%	1.5	1,879	12.3	1,490	16.3		41.3%	Link
IDC	Xây dựng	54.2	0.00%	1.1	704	1.3	6,634	8.2	65,700	24.5%	Link
HPG	Xây dựng	26.1	1.00%	1.0	6,569	17.7	1,905	13.7	41,500	23.7%	Link
HSG	VLXD	18.8	0.00%	1.6	459	3.4	828	22.7	25,300	17.3%	Link
VHM	BĐS	41.6	-3.90%	0.7	7,127	14.9	4,700	8.9	108,300	14.2%	Link
KDH	BĐS	32.6	-0.60%	1.2	1,297	2.6	522	62.5	44,500	38.1%	Link
NLG	BĐS	37.6	-0.90%	1.2	568	1.1	793	47.3	-	48.8%	Link
DGC	Hóa chất	105.9	-1.00%	1.4	1,582	3.9	7,791	13.6	115,000	18.1%	Link
DCM	Phân bón	37.9	1.30%	0.9	790	9.9	2,917	13.0	38,700	7.4%	Link
GAS	Dầu khí	69.2	1.50%	0.5	6,379	2.8	4,728	14.6	-	1.9%	Link
PVS	Dầu khí	33.3	-0.90%	1.1	626	2.6	1,919	17.3	57,000	22.1%	Link
PVD	Dầu khí	23.6	-0.20%	1.4	515	2.5	1,211	19.5	38,400	15.6%	Link
POW	Dầu khí	11.4	-0.40%	0.6	1,050	1.4	597	19.1	17,100	4.1%	Link
VHC	Thủy sản	71.6	-0.40%	1.3	632	1.7	3,814	18.8	108,500	29.8%	Link
GMD	Logistics	64.1	-1.40%	0.7	1,044	1.4	4,315	14.9	90,400	48.6%	Link
VNM	Bán lẻ	64.3	0.60%	0.4	5,288	5.5	4,591	14.0	93,100	51.5%	Link
MSN	Bán lẻ	71.0	-0.40%	1.0	4,227	10.2	898	79.1	110,000	28.6%	Link
MWG	Bán lẻ	59.0	0.50%	1.2	3,394	13.5	2,028	29.1	-	46.9%	Link
PNJ	Bán lẻ	92.9	-1.20%	1.0	1,235	1.4	5,960	15.6	118,000	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	41.4	0.00%	1.8	354	1.4	1,809	22.9	66,600	25.1%	Link
FPT	Bán lẻ	133.9	0.70%	1.1	7,750	15.4	5,129	26.1	107,900	45.2%	Link
CTR	Hạ tầng	118.9	-0.60%	1.5	535	3.4	4,640	25.6	-	9.4%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
HDB	Ngân hàng	24.7	-0.40%	1.1	2,831	7.6	4,461	5.5	1.5	19.5%	27.8%
VIB	Ngân hàng	18.2	-0.50%	1.1	2,133	3.5	2,412	7.5	1.4	20.5%	21.4%
TPB	Ngân hàng	16.1	-0.90%	1.4	1,674	4.3	1,840	8.7	1.2	28.4%	14.2%
MSB	Ngân hàng	11.4	-0.40%	1.1	1,171	3.3	1,687	6.8	0.8	29.5%	14.9%
EIB	Ngân hàng	18.0	-0.30%	0.8	1,319	1.9	1,447	12.4	1.4	2.8%	9.9%
HCM	Chứng khoán	27.7	-1.20%	1.7	785	5.1	1,409	19.7	1.9	45.3%	10.6%
VCI	Chứng khoán	33.0	-0.60%	1.5	932	6.6	1,419	23.3	2.2	20.1%	9.6%
VND	Chứng khoán	13.7	-1.40%	1.5	821	3.0	1,503	9.1	1.1	13.5%	15.0%
BSI	Chứng khoán	43.8	-1.60%	1.9	385	0.7	1,732	25.3	2.0	40.0%	9.3%
SHS	Chứng khoán	13.0	-1.50%	1.6	416	2.1	1,178	11.0	1.0	8.9%	10.5%
CTD	Xây dựng	65.3	-0.20%	1.4	257	1.6	3,361	19.4	0.8	47.1%	3.6%
HHV	Xây dựng	11.0	0.90%	1.5	187	1.9	835	13.2	0.6	7.7%	4.4%
LCG	Xây dựng	10.0	0.00%	1.5	76	0.5	825	12.2	0.8	2.1%	5.7%
SZC	Xây dựng	39.8	-0.40%	1.0	282	2.6	1,572	25.3	2.4	3.2%	12.1%
SIP	Xây dựng	75.5	-0.30%	1.3	625	1.2	5,635	13.4	3.8	2.0%	29.0%
PHR	BĐS KCN	57.2	2.30%	0.9	305	0.5	2,858	20.0	2.0	18.5%	12.1%
DIG	BĐS	20.5	-1.20%	1.6	492	3.6	135	152.2	1.6	4.7%	1.1%
CEO	BĐS	14.2	-2.10%	1.9	302	1.7	316	45.0	1.3	4.8%	2.1%
KBC	BĐS KCN	27.0	0.40%	1.4	816	3.9	549	49.2	1.1	20.5%	1.7%
VGC	BĐS KCN	41.2	-0.10%	1.2	726	1.3	1,312	31.4	2.2	4.7%	8.2%
GVR	BĐS KCN	30.9	-1.00%	1.6	4,863	2.2	851	36.3	2.4	0.5%	6.5%
NKG	BĐS KCN	19.4	0.30%	1.6	200	1.3	1,736	11.1	0.9	13.1%	7.4%
BMP	Vật liệu	119.5	-0.40%	1.1	385	0.2	12,420	9.6	3.3	82.6%	34.6%
IJC	Hạ tầng	13.3	0.40%	1.3	198	0.5	729	18.2	1.0	4.6%	6.0%
DXG	BĐS	16.8	-2.60%	1.4	476	14.0	197	85.2	1.1	15.4%	1.9%
VRE	Bất động sản	18.1	-0.50%	1.2	1,618	3.6	1,795	10.1	1.0	22.2%	11.9%
PDR	Bất động sản	20.8	-1.40%	1.7	713	5.0	500	41.5	1.6	6.4%	5.0%
DIG	Bất động sản	20.5	-1.20%	1.6	492	3.6	135	152.2	1.6	4.7%	1.1%
HUT	Xây dựng	15.9	0.00%	0.8	558	0.8	75	211.6	1.6	1.5%	1.7%
C4G	Xây dựng	7.6	0.00%	1.0	-	0.1	573	13.3	0.7	0.0%	4.8%
CSV	Hóa chất	37.2	0.50%	1.6	162	3.2	2,122	17.6	2.8	3.8%	15.2%
DHC	Hóa chất	34.6	0.30%	1.0	109	0.1	3,330	10.4	1.4	39.2%	13.3%
DRC	Cao su	28.2	2.60%	0.8	132	1.1	2,259	12.5	1.7	11.7%	16.5%
PC1	Điện	22.3	-0.40%	1.0	314	0.9	1,511	14.8	1.3	13.8%	6.1%
HDG	BĐS	28.2	0.00%	1.3	374	2.6	2,116	13.3	1.5	15.7%	11.8%
GEX	Điện	18.0	-0.30%	1.5	610	6.7	1,207	15.0	1.2	8.3%	7.0%
QTP	Điện	13.6	-0.70%	0.6	-	0.0	1,500	9.1	1.1	1.2%	11.2%
PLX	O&G	39.2	0.30%	0.7	1,957	0.5	2,350	16.7	2.0	18.2%	13.8%
BSR	O&G	19.4	0.00%	1.1	-	2.0	966	20.1	1.1	0.7%	13.4%
PLC	O&G	20.7	-0.50%	1.3	66	0.0	611	33.9	1.4	0.5%	4.7%
ANV	Thủy sản	17.7	-1.10%	1.2	185	0.5	315	56.1	0.8	1.0%	1.2%
PTB	Gỗ	62.0	-0.60%	1.1	163	0.2	4,944	12.5	1.5	24.9%	11.9%
VSC	Logistics	15.8	-0.90%	1.2	178	2.2	737	21.4	1.1	3.1%	7.3%
HAH	Logistics	46.4	0.00%	0.9	222	4.1	3,571	13.0	1.9	7.7%	10.6%
DBC	Logistics	26.2	-1.10%	1.6	346	2.3	1,604	16.4	1.3	12.1%	5.0%
FRT	Bán lẻ	173.2	1.90%	0.8	928	8.2	775	223.6	13.1	36.1%	11.8%
QNS	Bán lẻ	50.7	-0.60%	0.5	-	1.0	6,553	7.7	2.0	13.8%	28.7%
TNG	Dệt may	24.3	-0.80%	1.1	117	1.3	2,427	10.0	1.6	19.5%	14.7%
PVT	O&G	27.3	0.90%	1.0	382	1.4	3,130	8.7	1.3	13.2%	14.2%
DPM	Phân bón	35.5	1.90%	1.0	547	8.1	1,700	20.9	1.3	8.8%	5.5%
REE	Tiện ích	64.7	-0.50%	1.0	1,199	1.1	3,860	16.8	1.7	49.0%	10.0%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
2	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
3	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
4	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
5	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
6	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
7	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
8	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
9	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
10	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
11	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
12	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
13	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
14	Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2024		x	Click
15	Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2024		x	Click
16	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
17	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
18	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
19	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
20	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
22	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán.

Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này.

Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Phòng Phân tích nghiên cứu

Trần Thăng Long

Trưởng phòng Phân tích nghiên cứu

longtt@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Bùi Nguyên Khoa

Trưởng nhóm phân tích Vĩ mô - thị trường

khoabn@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

tungtt@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhng@bsc.com.vn

Thông tin liên hệ

Website

<http://www.bsc.com.vn>

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84) 2439264 659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(024) 39264 660